TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/DS - ST
Ngày: 30/10/2018
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Túc
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Nguyễn Văn Tấn
2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Quí – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa*: Bà Đinh Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30/10/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2018/TLST-DS ngày 26/4/2018 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 130 đường L , phường 3, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Thanh V (Theo văn bản ủy quyền số 1020/QĐ-DAB-PC ngày 11/6/2016); bà V có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, thành phố Q, tỉnh N; vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đinh N, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn Mỹ Thạnh Đông, xã Nghĩa T, huyện M, tỉnh N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/4/2018, bản tự khai ngày 02/4/2018 và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 07/6/2017 bà Nguyễn Thị N có ký hợp đồng tín dụng số K.0142/117 với Ngân hàng A (DAB) vay với số tiền 250.000.000 đồng; Mục đích vay là: Bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất tháng đầu tiền 9,5%/năm; lãi suất điều chỉnh kỳ tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân Việt Nam đồng kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của DAB cộng 2,2%.

Để đảm bảo khoản vay, bà Nguyễn Thị N đã thế chấptài sản là quyền sử dụng đất của bà N tại thửa đất số 1453, tờ bản đồ số 13 xã Nghĩa T, huyện M theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K.0055/TC17 ngày 06/6/2017 cho Ngân hàng A – Chi nhánh Q.

Quá trình vay bà N đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết, nhiều lần Ngân hàng đã mời làm việc, gửi giấy thông báo thu hồi nợ cho bà để đề nghị thanh toán khoản nợ vay của bà cho Ngân hàng. Tuy nhiên, bà N vẫn không thanh toán cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 07/9/2018, bà Nguyễn Thị N còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền 278.052.084 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 250.000.00 đồng, lãi trong hạn là 18.947.917 đồng, lãi quá hạn là 9.104.167 đồng.

Nay Ngân hàng A yêu cầu bà N phải trả nợ số tiền trên cho Ngân hàng.

Nếu bà N không trả nợ cho Ngân hàng A thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1453, tờ bản đồ số 13 xã Nghĩa T, huyện M, tỉnh N theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K.0055/TC17 ngày 06/6/2017 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Trường hợp, xử lý tài thế chấp mà không đủ để thu hồi nợ thì bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng A.

***Bị đơn bà Nguyễn Thị N*:** Quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa vào ngày 12/10/2018 và phiên tòa ngày 30/10/2018 nhưng bà N vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản trình bày: Số lượng 60 cây keo lai trên đất của bà N thế chấp cho Ngân hàng A là của ông trồng, ông có ý kiến là để ông tự chặt khi có người đến mua đất thương lượng với ông và ông không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình thụ lý đơn, giải quyết vụ án, Thẩm phán đã làm đúng theo quy định của pháp luật; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự, thẩm vấn và tranh luận khách quan.Chủ tọa điều hành phiên tòa đúng trình tự quy định luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thực hiện các quyền và

nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Nghịvắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời trình bày tại hồ sơ nên đề nghị Hội đồng xét xử vẫ tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi khiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng A có đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N có địa chỉ tại: Thôn V, xã T, thành phố Q, tỉnh N phải trả số tiền gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 18.979.167 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.250.000 đồng (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/10/2018), tổng cộng là 283.229.167 đồng theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn ngày 20/12/2017 và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ. Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N xác định quan hệ tranh chấp là: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án không tống đạt được Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn do bị đơn không có mặt tại địa chỉ nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của bị đơn trong giao dịch hợp đồng tín dụng. Tòa án đã xác minh bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã T, thành phố Q, tỉnh N có nhà, đất ở địa phương nhưng hiện nay bà N đi ở đâu địa phương không rõ. Việc bị đơn không có mặt ở địa phương và thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho phía nguyên đơn về nơi cư trú mới theo khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn, triệu tập và niêm yết hợp lệ đối với bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 12/10/2018 và 30/10/2018 vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] **Về nội dung vụ án:**

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị N thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/10/2018 là 283.229.167 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/10/2018 cho đến khi thanh toán xong các khoản cho Ngân hàng, trường hợp bà N không trả cho Ngân hàng thì yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi cho Ngân hàng.

[2.2] Xét giao dịch dân sự giữa Ngân hàng A với bà Nguyễn Thị N được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký, xác nhận của các bên, không bị lừa

dối hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch dân sự nêu trên là hợp pháp. Bà Nguyễn Thị N đã nhận đủ tiền vay theo thỏa thuận nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng bà N chỉ thanh toán cho nguyên đơn số lãi trong hạn là 5.111.111 đồng. Khi đến kỳ hạn trả gốc, lãi tiếp theo nhưng không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn đã được Tòa án giao, niêm yết các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày đại diện của nguyên đơn cho thấy việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng A với bà N hoàn toàn có thật và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận. Căn cứ với các quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm, Hội đồng xét xử xét thấy khi vay vốn để đảm bảo khoản tiền vay, nguyên đơn, bị đơn đã tự nguyện ký kết hợp đồng thế chấp số K.0055/TC17 ngày 06/6/2017, tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất thửa số 1453, tờ bản đồ số 13, diện tích 200m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH.717196, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS11049 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 16/9/2016, đăng ký thay đổi ngày 30/11/2016 và ngày 08/12/2016 tại xã Nghĩa T, huyện M, tỉnh N. Hợp đồng thế chấp trên tuân thủ theo quy định pháp luật, có công chứng hợp pháp và được thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định, nội dung hợp đồng là tự nguyện và không trái đạo đức xã hội, theo đó các bên thỏa thuận trong trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ trả tiền, thì bên vay có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với các quy định tại các Điều 317, 318, 319, 323, 325 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.4] Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ trên đất thế chấp có 60 cây keo là do ông Đinh N trồng, Ngân hàng và ông Đinh N khai khi thế chấp không thế chấp giá trị của 60 cây keo này. Tại phiên tòa, ông Nghị vắng mặt nhưng Ngân hàng có ý kiến đồng ý thối lại cho ông Đinh N được giá trị 60 cây keo (nếu còn) tại thời điểm thi hành án.

[2.5] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.500.000 đồng, Ngân hàng A tự nguyện chịu, Ngân hàng đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

[2.6] Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 1 Điều 147 BLTTDS năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu là: 283.229.167 x 5% = 14.161.458 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 6.564.670 (Sáu triệu năm trăm sáu mươi

bốn ngàn sáu trăm bảy mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002195 ngày 26/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 317, 318, 319, 323, 325, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số K.0142/117 ngày 07/06/2017 với bà Nguyễn Thị N.

2. Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A tổng số nợ tiền gốc và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/10/2018 tổng cộng là 283.229.167 đồng. Trong đó: Tiền gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 18.979.167 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.250.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 30/10/2018 bà Nguyễn Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3.Trường hợp bà Nguyễn Thị N không trả được nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng hợp đồng thế chấp chấp số K.0055/TC17 ngày 06/6/2017, tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất thửa số 1453, tờ bản đồ số 13, diện tích 200 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH 717196, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS11049 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 16/9/2016, đăng ký thay đổi ngày 30/11/2016 và ngày 08/12/2016 tại xã Nghĩa T, huyện M, tỉnh N.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng A sẽ thanh toán lại giá trị 60 cây keo (nếu còn) tại thời điểm thi hành án cho ông Đinh N.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.500.000 đồng, Ngân hàng A tự nguyện chịu, Ngân hàng đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 14.161.458 đồng đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 6.564.670 (Sáu triệu năm trăm sáu mươi tư ngàn sáu trăm bảy mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002195 ngày 26/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Túc